TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 512/2019/DS-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Mỹ Oanh;

2. Ông Nguyễn Thanh Bình;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Xuân Hà

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-DS ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T; địa chỉ: Lầu 8, số 226-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức T1; địa chỉ: 68/26 đường Dương Lịch, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; (văn bản ủy quyền ngày 525/2018/UQ-TTT ngày 06/6/2018); có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lưu Kim T2; địa chỉ: 47/18 đường Phú T, Phường 1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1) Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2018, bản tự khai, tại các phiên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/11/2010, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T

(gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lưu Kim T2 có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng). Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Thanh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.995.000 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến tháng 8/2013 Bà T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 65.161.500 đồng (sáu mươi lăm triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm đồng). Tuy nhiên, từ tháng 09/2013 thì Bà T2 ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Thanh vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà Thanh vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/12/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 21/11/2019, bà Thanh còn nợ nguyên đơn các khoản sau:

- Nợ gốc: 8,480,713 đồng;

- Lãi quá hạn: 19,683,603 đồng;

- Tổng cộng: 28,164,316 đồng;

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Lưu Kim T2 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/11/2019 là 28,164,316 đồng.

Ngoài ra Bà T2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2) Bị đơn bà Lưu Kim T2 trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm thụ lý, hòa giải xét xử và tại phiên tòa vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không thu thập được ý kiến của Bà T2 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

- Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc giải quyết vụ án như sau:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải đối với bị đơn bà Lưu Kim T2. Tuy nhiên bà Lưu Kim T2 vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lưu Kim T2, thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 21/11/2019 là 28.164.316

đồng (hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm mười sáu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, Bà T2 vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã triệu tập hợp lê bà Lưu Kim T2 lần hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Lưu Kim T2 vẫn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Bà Lưu Kim T2 có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T, có cơ sở xác định giữa Bà T2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do Bà T2 cư trú tại địa chỉ 47/18 đường Phú T, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hội đồng xét xử xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về nợ gốc: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 13/11/2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T có ký kết Hợp đồng kiêm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với bà Lưu Kim T2. Theo đó, Ngân hàng mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), không xác định thời hạn, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà T2 đã sử dụng 59.995.000 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 65.161.500 đồng (sáu mươi lăm triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm đồng). Do Bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và nợ gốc được quy định trong hợp đồng. Ngân hàng đã có thông báo nhắc nhở nhưng Bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và Bà T2 ký kết thì thứ tự ưu tiên thanh toán là phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể phí trễ hạn là 1.533.975 đồng, phí thường niên, phí vượt hạn mức, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là 6.166.250 đồng, lãi trong hạn là 5.946.988 đồng và một phần giao dịch là 59.995.000 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 8.480.713 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà Lưu Kim T2 phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc là 8.480.713 đồng ngay

sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định: " Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn" và căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định như sau: "Khách hàng vay có nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng". Từ những quy định pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 8.480.713 đồng (tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn bảy trăm mười ba đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về tiền lãi: Tại Điều 23 Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng quốc tế hai bên ký kết đã thỏa thuận lãi quá hạn 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật'' và tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước cũng quy định: "Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng". Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa Ngân hàng và bà Lưu Kim T2 theo Hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc nên Ngân hàng yêu cầu bà Lưu Kim T2 trả lãi quá hạn 19.683.603 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T. Buộc bà Lưu Kim T2 trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 21/11/2019 là 28.164.316 đồng (hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm mười sáu đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Lưu Kim T2 phải chịu theo 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T.

Buộc bà Lưu Kim T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 21/11/2019 là 28.164.316 đồng (hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm mười sáu đồng). Đồng thời Bà T2 phải tiếp tục chịu tiền lãi trên dư nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 22/11/2019 đến ngày Bà T2 trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký.

Thanh toán khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Kim T2 phải nộp án phí là 1.408.216 đ (một triệu bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười sáu đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 561.427 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0023174 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hiếu Thuận